TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **46**/2023/DS-ST
Ngày 11/8/2023
V/v"Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vinh và bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-DS ngày 06/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 25/7/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Ph1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ng - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Số X đường Tr, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

**** Bị đơn:*** Bà Lê Thị Ph2, sinh năm 1972 - *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của phía bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Phía nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị Ph1 mở đại lý cà phê tại nhà thuộc thôn A, xã A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Qua nhiều lần trao đổi mua bán cà phê nên quen biết với bà Lê Thị Ph2. Bà Ph1 có cho bà Ph2 vay tiền nhiều lần. Ngày 27/9/2022 hai người đã ngồi lại thống nhất với nhau số tiền nợ là 50.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất

2%/tháng; Bà Ph2 có hứa đến cuối năm 2022 sẽ thanh toán đầy đủ cho bà Ph1; Bà Ph2 có ký tên xác nhận.

Đến ngày 14/11/2022 (tức là cuối năm 2022 như thoả thuận) bà Ph2 chỉ thanh toán cho bà Ph1 10.000.000 đồng và bà Ph2 khất vài hôm nữa sẽ trả. Tuy nhiên qua năm vẫn không thấy bà Ph2 trả nên bà Ph1 đã gọi điện nhắc nợ nhưng bà Ph2 cứ khất lần và không chịu thanh toán cho bà Ph1.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, bà Ph1 đã làm đơn khởi kiện bà Lê Thị Ph2 đến Tòa án. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án buộc bị đơn - bà Lê Thị Ph2 trả nợ như sau:

- Về nợ gốc: Yêu cầu bà Lê Thị Ph2 trả cho bà Võ Thị Ph1 40.000.000 đồng.

- Về nợ lãi: Yêu cầu bà Lê Thị Ph2 trả cho bà Võ Thị Ph1 mức lãi suất theo quy định nhà nước 10%/năm, cụ thể: số tiền lãi 2.987.000 đồng (tạm tính từ ngày 15/11/2022 - ngày chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm) và số lãi phát sinh đến khi trả hết nợ gốc.

Ngoài ra, bà Ph1 không đồng ý với ý kiến của bà Ph2 cho rằng: *số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 27/9/2022 có 10.000.000 đồng tiền lãi nhập gốc (thực tế gốc chỉ 40.000.000 đồng) và bà* Ph1 *viết thành giấy nợ thì 50.000.000 đồng;* Việc bà Ph2 có ý kiến như vậy nhưng bà Ph2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh và bà Ph1 cũng không chấp nhận.

2. Phía bị đơn trình bày:

Đối với giấy vay tiền ngày 27/9/2022 là do bà Ph1 viết và tôi (Ph2) có ký nhận, chữ viết Lê Thị Ph2 trong giấy vay là chữ viết của tôi.

Nay bà Ph1 làm đơn khởi kiện thì nguyện vọng của tôi (Ph2) là:

- Về nợ gốc: Tôi (Ph2) đồng ý trả cho bà Ph1 30.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày (chậm nhất là ngày 21/7/2023); Xin miễn số nợ gốc 10.000.000 đồng.

- Về lãi suất: Do tôi (Ph2) khó khăn nên xin bà Ph1 không yêu cầu tính lãi theo quy định nhà nước 10%/tháng từ ngày 15/11/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

Ngoài ra tôi (Ph2) cho rằng: *số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 27/9/2022 có 10.000.000 đồng tiền lãi nhập gốc (thực tế gốc chỉ 40.000.000 đồng) và bà* Ph1 *viết thành giấy nợ thì 50.000.000 đồng*; Tuy nhiên tôi (Ph2) không có tài liệu chứng cứ để chứng minh hay cung cấp cho Toà án và bà Ph1 cũng không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông

Pắc quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi bổ sung của nguyên đơn; Buộc bà Lê Thị Ph2 phải trả cho bà Võ Thị Ph1 số nợ đến ngày 11/8/2023 là 42.987.000 đồng *(trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng; nợ lãi 2.987.000 đồng)* và lãi phát sinh từ ngày 12/8/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện và việc xác nhận của phía bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại giấy ghi ngày 27/9/2022 giữa các bên thỏa thuận thời trả nợ là cuối năm 2022. Đến ngày 24/5/2023 bà Ph1 nộp đơn khởi kiện tại Toà án. Căn cứ các điều 149, 150, 154 BLDS năm 2015; Điều 184 BLTTDS thì nguyên đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu, HĐXX cần xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng; Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng lời trình bày các bên, HĐXX xét thấy:

[4.1]. Về yêu cầu trả nợ gốc:

Tại giấy ghi ngày 27/9/2022 thể hiện bà Ph2 ký giấy và xác nhận còn nợ của bà Ph1 khoản tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối năm 2022. Đến ngày 14/11/2022 bà Ph2 đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại số nợ gốc 40.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng đã xác nhận có ký giấy và còn nợ nguyên đơn 30.000.000 đồng trong số tiền nói trên; phần còn lại 10.000.000 đồng thì bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó việc nguyên đơn - Bà Ph1 khởi kiện yêu cầu bị đơn - Bà Ph2 trả số tiền vay gốc còn lại là 40.000.000 đồng là phù hợp và có căn cứ nên HĐXX thấy cần chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất:

Trong giấy ghi ngày 27/9/2022 các bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng (tức là 24%/năm) là vượt quá mức lãi suất do BLDS năm 2015 quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ *(ngày 15/11/2022 - sau ngày trả nợ 10.000.000 đồng)* đến khi trả hết nợ gốc, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 nên HĐXX cần chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Nợ lãi (tạm tính từ ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 11/8/2023) là: 2.987.000 đồng;

Và lãi phát sinh từ ngày 12/8/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi bổ sung của nguyên đơn - Bà Ph1; Buộc bị đơn - Bà Ph2 phải trả cho bà Ph1 số nợ đến ngày 11/8/2023 tổng cộng là 42.987.000 đồng *(trong đó: nợ gốc 40.000.000 đồng; nợ lãi 2.987.000 đồng)* và lãi phát sinh từ ngày 12/8/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Đối với ý kiến của phía bị đơn cho rằng: *Số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 27/9/2022 có 10.000.000 đồng tiền lãi nhập gốc (thực tế gốc chỉ 40.000.000 đồng) và bà* Ph1 *viết thành giấy nợ thì 50.000.000 đồng…*;

HĐXX xét thấy ý kiến của phía bị đơn là không đúng với giấy ghi ngày 27/9/2022 thể hiện, không phù hợp với thực tế; Đồng thời bị đơn - bà Ph2 không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, còn nguyên đơn - bà Ph1 cũng không chấp nhận; Do đó không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

Bị đơn - bà Ph2 thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX xét miễn án phí cho bà Ph2.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khơn 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi bổ sung của nguyên đơn - Bà Võ Thị Ph1;

Buộc bị đơn - Bà Lê Thị Ph2 phải trả cho bà Võ Thị Ph1 số nợ đến ngày 11/8/2023 là **42.987.000** đồng *(Bốn mươi hai triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*, trong đó:

- Nợ gốc 40.000.000 đồng;

- Nợ lãi 2.987.000 đồng;

Và lãi phát sinh từ ngày 12/8/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn - Bà Võ Thị Ph1 được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng, đã nộp theo biên lai số AA/2021/0017076 ngày 24/5/20232 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;

- Bị đơn - Bà Lê Thị Ph2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*"

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND H.Krông Pắc;*
- *Chi cục THADS H.Krông Pắc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức